

BẢNG KẾT QUẢ THI KỸ NĂNG NÓI

Kỳ thi: Đánh giá năng lực Tiếng Anh (trình độ tương đương B2) **Phòng thi:** Phòng B1.202

Môn thi: Kỹ năng nói

Ca thi: 13h30

Ngày thi: 14/01/2022

TT	SBD	Họ và tên	Năm sinh	Tổng điểm (thang 20)		Ký tên	Ghi chú
				Bảng số	Bảng chữ		
1	TA0162	Đinh Thị Mai Anh	03/06/1999				
2	TA0163	Đỗ Đoàn Đức Anh	05/10/1998				
3	TA0164	Nguyễn Thị Quỳnh Anh	19/04/1999				
4	TA0164	Nguyễn Trọng Quốc Anh	16/02/1999				
5	TA0165	Nguyễn Tuấn Anh	30/01/1997				
6	TA0166	Phạm Hoàng Anh	21/09/1999				
7	TA0167	Trần Đức Anh	26/06/1999				
8	TA0168	Trần Hoàng Anh	04/05/1999				
9	TA0169	Tạ Mạnh Cường	23/02/1998				
10	TA0170	Hoàng Trọng Đạt	19/05/1999				
11	TA0171	Nguyễn Duy Đức	09/08/1999				
12	TA0172	Nguyễn Thế Đức	05/08/1997				
13	TA0173	Lê Viết Tùng Dương	16/09/1997				
14	TA0174	Nguyễn Đức Duy	03/07/1999				
15	TA0175	Nguyễn Thị Thuỳ Duyên	10/06/1997				
16	TA0176	Bùi Minh Hải	13/06/1999				
17	TA0177	Lê Ngọc Hải	05/07/1998				
18	TA0178	Vũ Hoàng Hải	24/05/1998				
19	TA0179	Đỗ Thị Hằng	20/05/1997				
20	TA0180	Bùi An Hiếu	25/10/1999				
21	TA0181	Đinh Văn Hiếu	10/10/1998				
22	TA0182	Đoàn Minh Hoàng	19/03/1999				
23	TA0183	Nguyễn Đức Hoàng	11/02/1997				
24	TA0184	Phan Trọng Hoàng	02/01/1997				
25	TA0185	Cao Thanh Hưng	27/12/1999				
26	TA0186	Nguyễn Quang Hưng	17/11/1999				
27	TA0187	Nguyễn Tất Hưng	15/09/1999				
28	TA0188	Nguyễn Ngọc Khánh	06/12/1997				
29	TA0189	Phạm Viết Khánh	18/10/1997				
30	TA0190	Đặng Trần Nhật Linh	27/07/1999				
31	TA0191	Nguyễn Quang Linh	04/06/1998				
32	TA0192	Trần Diệu Linh	18/09/1999				
33	TA0193	Mai Thị Loan	26/12/1999				

TT	SBD	Họ và tên	Năm sinh	Tổng điểm (thang 20)		Ký tên	Ghi chú
				Bảng số	Bảng chữ		
34	TA0194	Nguyễn Duy Lộc	22/02/1998				
35	TA0195	Nguyễn Hữu Lợi	12/11/1997				
36	TA0196	Ngô Quang Luân	09/05/1999				
37	TA0197	Nguyễn Tiến Mạnh	16/11/1999				
38	TA0198	Trần Trọng Nghĩa	16/06/1998				
39	TA0199	Trương Trọng Nghĩa	15/01/1998				
40	TA0200	Vũ Văn Phúc	28/04/1998				
41	TA0201	Nguyễn Cúc Phương	08/08/1998				
42	TA0202	Nguyễn Tuấn Quang	27/09/1998				
43	TA0203	Tăng Thị Như Quỳnh	20/09/1999				
44	TA0204	Phạm Trường Sinh	02/05/1999				
45	TA0205	Nguyễn Như Tâm	06/10/1999				
46	TA0206	Lương Ngọc Thắng	15/06/1998				
47	TA0207	Vương Văn Thắng	25/10/1999				
48	TA0208	Mai Văn Thịnh	28/09/1999				
49	TA0209	Đoàn Văn Thuận	28/04/1998				
50	TA0210	Nguyễn Minh Tiến	02/05/1999				
51	TA0211	Nguyễn Quang Trung	01/02/1998				
52	TA0212	Nguyễn Anh Tuấn	09/08/1998				
53	TA0213	Lê Thanh Tùng	07/06/1999				
54	TA0214	Phan Khánh Tùng	28/11/1997				
55	TA0215	Đỗ Thị Hải Yến	21/05/1999				
56	TA0216	Vũ Quốc Hải	05/06/1997				
57	TA0219	Hoàng Thu Trang	10/05/1999				
58	TA0217	Mai Quốc Đạt	17/09/1997				
59	TA0218	Hà Thị Lan	23/07/1996				

Tổng số thí sinh theo danh sách:Tổng số thí sinh có mặt:.....

Tổng số bài thi:.....Tổng số tờ giấy thi:.....

Cán bộ chấm thi thứ nhất

(ký ghi rõ họ tên)

Cán bộ chấm thi thứ hai

(ký ghi rõ họ tên)